

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 04-12-2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Nguyễn Thị Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Quê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, địa chỉ: Số nhà 633/8, ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 335/8, ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980, địa chỉ: Số nhà 633/8, ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà T và ông Th kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Bà T và ông Th chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T và ông Th không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông Th còn sống chung một nhà nhưng ly thân với nhau đến nay khoảng 04 năm, từ khi khởi kiện ly hôn thì bà T đã đến nơi khác để sinh sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên bà T quyết định ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có 01 con chung tên Nguyễn Th Phúc, sinh ngày 07/10/2006, hiện nay con đã trên 18 tuổi, đã học đại học, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà T cam kết bà T và ông Th không có nợ chung.

Ông Nguyễn Văn Th là bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Th đồng ý với bà T về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay bà T đề nghị ly hôn thì ông Th đồng ý ly hôn, nhưng với điều kiện là bà T trả cho ông Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T đang giữ.

Về con chung: Ông Th và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Th Phúc, sinh ngày 07/10/2006, hiện nay con đã trên 18 tuổi, đã học đại học, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Th không yêu cầu giải quyết tài sản chung, ông Th yêu cầu bà T trả cho ông Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T đang giữ, để ông Th sang tên lại cho con 04m mặt tiền, dài hết đất, còn lại thì ông Th sử dụng.

Về nợ chung: Ông Th cam kết bà T và ông Th không có nợ chung.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Th, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Nguyễn Thị T xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Th.

[3] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Th sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T và ông Th không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông Th còn sống chung một nhà nhưng ly thân với nhau đến nay khoảng 04 năm, từ khi khởi kiện ly hôn thì bà T đã đến nơi khác để sinh sống. Ông Th không đồng ý ly hôn, ông Th đồng ý ly hôn với điều kiện là bà T trả cho ông Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T đang giữ. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T ly hôn với ông Th.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Th có 01 con chung tên Nguyễn Th Phúc, sinh ngày 07/10/2006, hiện nay con đã trên 18 tuổi, đã học đại học, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009135, ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

Võ Văn Tùng